

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 1  
Năm học 2025 - 2026

| STT | Họ tên               | Mã học sinh  | Giới tính | Ngày sinh  | Địa chỉ cư trú                                                          | Tên lớp | Ngày xử lý |
|-----|----------------------|--------------|-----------|------------|-------------------------------------------------------------------------|---------|------------|
| 1   | Lý Khánh An          | HS1019398006 | Nữ        | 27/04/2019 | Thôn Năm Mẫu 1, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh  | 1A1     | 06/12/2025 |
| 2   | Vũ Thanh Lam         | HS1019398020 | Nữ        | 05/08/2019 | Thôn Năm Mẫu 2, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh  | 1A1     | 06/12/2025 |
| 3   | Cù Minh Quân         | HS1019398706 | Nam       | 23/10/2019 | Thôn Năm Mẫu 1, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh  | 1A1     | 06/12/2025 |
| 4   | Nguyễn Thanh Vân     | HS1019398024 | Nữ        | 05/04/2019 | Thôn Năm Mẫu 2, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh  | 1A1     | 06/12/2025 |
| 5   | Nguyễn Tuấn Minh     | HS1019398026 | Nam       | 06/06/2019 | Thôn Năm Mẫu 2, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh  | 1A1     | 06/12/2025 |
| 6   | Trương Lý Nhật My    | HS1013783292 | Nữ        | 08/04/2019 | Thôn Khe Sứ 2, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh   | 1A1     | 06/12/2025 |
| 7   | Nguyễn Lê Đức Trung  | HS1012015688 | Nam       | 26/10/2019 | Thôn Năm Mẫu 1, xã Thượng Yên Công,, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh | 1A1     | 06/12/2025 |
| 8   | Triệu Minh Thư       | HS1013783303 | Nữ        | 30/06/2019 | Thôn Khe sứ 1, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh   | 1A1     | 06/12/2025 |
| 9   | Triệu Bảo Hân        | HS1019397982 | Nữ        | 27/04/2019 | Thôn Năm Mẫu 1, Thượng Yên Công, UB, QN                                 | 1A2     | 06/12/2025 |
| 10  | Bùi Nhật Long        | HS1019398022 | Nam       | 23/08/2019 | Thôn Năm Mẫu 2, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh  | 1A2     | 06/12/2025 |
| 11  | Lưu Khánh Ngọc       | HS1012015684 | Nữ        | 27/06/2019 | Thôn Năm Mẫu 2, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh  | 1A1     | 06/12/2025 |
| 12  | Nguyễn Phạm Ngọc Anh | HS1019398023 | Nữ        | 04/11/2019 | Thôn Năm Mẫu 2, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh  | 1A1     | 06/12/2025 |
| 13  | Bản Hoàng Anh        | HS1012015697 | Nam       | 29/07/2019 | Thôn Năm Mẫu 1, xã Thượng Yên Công,, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh | 1A1     | 06/12/2025 |
| 14  | Bản Quỳnh Anh        | HS1012015698 | Nữ        | 04/01/2019 | Thôn Năm Mẫu 1, xã Thượng Yên Công,, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh | 1A1     | 06/12/2025 |

|    |                     |              |     |            |                                                                         |     |            |
|----|---------------------|--------------|-----|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----|------------|
| 15 | Bàn Đức Trí         | HS1013783298 | Nam | 13/02/2019 | Khe sú 1 - Thượng Yên Công Uông Bí - Quảng Ninh                         | 1A2 | 06/12/2025 |
| 16 | Vũ Ngọc Hân         | HS1012015683 | Nữ  | 07/10/2019 | Thôn Năm Mẫu 2, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh  | 1A2 | 06/12/2025 |
| 17 | Hoàng Bùi Bảo Khang | HS1013783293 | Nam | 21/04/2019 | Thôn Khe sú 1, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh   | 1A2 | 06/12/2025 |
| 18 | Triệu Ngọc Hân      | HS1013783304 | Nữ  | 09/02/2019 | Khe sú 1 - Thượng Yên Công Uông Bí - Quảng Ninh                         | 1A2 | 06/12/2025 |
| 19 | Hoàng Thiên Minh    | HS1013783294 | Nam | 23/10/2019 | Thôn Năm Mẫu 1, xã Thượng Yên Công,, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh | 1A2 | 06/12/2025 |
| 20 | Bùi Khánh An        | HS1019398002 | Nữ  | 25/11/2019 | Năm Mẫu 2, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh       | 1A1 | 06/12/2025 |
| 21 | Hoàng Quốc Huy      | HS1012015686 | Nam | 13/05/2019 | Xã Hồng Thái Tây, Đông Triều, Quảng Ninh                                | 1A1 | 06/12/2025 |
| 22 | Phạm Quý Thái Bảo   | HS1019398021 | Nam | 21/10/2019 | Khe sú 1- xã thượng yên công- thành phố uông bí- tỉnh quảng ninh        | 1A2 | 06/12/2025 |
| 23 | Vũ Anh Quân         | HS1012015692 | Nam | 20/10/2019 | Thôn Năm Mẫu 1, xã Thượng Yên Công,, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh | 1A1 | 06/12/2025 |
| 24 | Lý Hà My            | HS1019398704 | Nữ  | 05/04/2019 | Khe sú 1 - Thượng Yên Công Uông Bí - Quảng Ninh                         | 1A1 | 06/12/2025 |
| 25 | Trương Đức Duy      | HS1019398029 | Nam | 05/11/2019 | Thôn Năm Mẫu 1, xã Thượng Yên Công,, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh | 1A2 | 06/12/2025 |
| 26 | Đặng Việt Hoàng     | HS1019398028 | Nam | 02/02/2019 | Thôn Khe sú 1, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh   | 1A2 | 06/12/2025 |
| 27 | Trương Minh Khang   | HS1019398004 | Nam | 19/12/2019 | Thôn Khe Sú 1, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh   | 1A2 | 06/12/2025 |
| 28 | Đặng Hà Linh        | HS1019397980 | Nữ  | 16/02/2019 | Thôn Khe Sú 2, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh   | 1A2 | 06/12/2025 |
| 29 | Đặng Thiên Phú      | HS1007340031 | Nam | 02/05/2019 | Thôn Khe Sú II, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh  | 1A1 | 06/12/2025 |
| 30 | Bàn Văn Thêm        | HS1012015691 | Nam | 15/11/2019 | Thôn Năm Mẫu 1, xã Thượng Yên Công,, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh | 1A2 | 06/12/2025 |
| 31 | Đặng Đức Thịnh      | HS1019397999 | Nam | 08/01/2019 | Năm Mẫu 1, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh       | 1A2 | 06/12/2025 |
| 32 | Trương Gia Toàn     | HS1012015689 | Nam | 07/07/2019 | Thôn Khe sú 1, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh   | 1A1 | 06/12/2025 |

|    |                        |              |     |            |                                                                           |     |            |
|----|------------------------|--------------|-----|------------|---------------------------------------------------------------------------|-----|------------|
| 33 | Triệu Quang Toàn       | HS1019398001 | Nam | 29/06/2019 | Thôn Khe Sủ 2, xã Thượng Yên Công, thành phố<br>Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh  | 1A1 | 06/12/2025 |
| 34 | Đặng Quốc Trình        | HS1019398003 | Nam | 04/07/2019 | Thôn Khe Sủ 2, xã Thượng Yên Công, thành phố<br>Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh  | 1A1 | 06/12/2025 |
| 35 | Lý Bảo An              | HS1019398005 | Nữ  | 01/09/2019 | Thôn Năm Mẫu 1, xã Thượng Yên Công, thành<br>phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh | 1A1 | 06/12/2025 |
| 36 | Trương Thị Bảo An      | HS1019398691 | Nữ  | 23/09/2019 | Khe sủ 2 - Thượng Yên Công Uông Bí - Quảng<br>Ninh                        | 1A2 | 06/12/2025 |
| 37 | Triệu Thị Ánh Dương    | HS1012409840 | Nữ  | 30/11/2019 | Khe sủ 1 - Thượng Yên Công Uông Bí - Quảng<br>Ninh                        | 1A2 | 06/12/2025 |
| 38 | Trương Minh Hiếu       | HS1019398696 | Nam | 03/02/2019 | Khe sủ 2 - Thượng Yên Công Uông Bí - Quảng<br>Ninh                        | 1A2 | 06/12/2025 |
| 39 | Trương Gia Hân         | HS1019398695 | Nữ  | 17/03/2019 | Khe sủ 1 - Thượng Yên Công Uông Bí - Quảng<br>Ninh                        | 1A2 | 06/12/2025 |
| 40 | Trương Đăng Khoa       | HS1013783301 | Nam | 30/03/2019 | Khe sủ 2 - Thượng Yên Công Uông Bí - Quảng<br>Ninh                        | 1A1 | 06/12/2025 |
| 41 | Triệu Thị Ngọc Ánh     | HS1019398692 | Nữ  | 14/12/2019 | Khe sủ 1 - Thượng Yên Công Uông Bí - Quảng<br>Ninh                        | 1A2 | 06/12/2025 |
| 42 | Trương Minh Tùng       | HS1013783302 | Nam | 31/10/2019 | Khe sủ 2 - Thượng Yên Công Uông Bí - Quảng<br>Ninh                        | 1A2 | 06/12/2025 |
| 43 | Trương Thị Phương Trúc | HS1019398699 | Nữ  | 07/05/2019 | Khe sủ 2 - Thượng Yên Công Uông Bí - Quảng<br>Ninh                        | 1A1 | 06/12/2025 |
| 44 | Lê Ngọc Vân Phi        | HS1019398000 | Nữ  | 23/01/2019 | Thôn Năm Mẫu 1, xã Thượng Yên Công, thành<br>phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh | 1A1 | 06/12/2025 |
| 45 | Đặng Quỳnh Mai         | HS1019398702 | Nữ  | 21/04/2019 | Khe sủ 1 - Thượng Yên Công Uông Bí - Quảng<br>Ninh                        | 1A1 | 06/12/2025 |
| 46 | Phạm Duy Kiên          | HS1013783288 | Nam | 29/08/2019 | Thôn Trung Lương, xã Trảng Lư Đông Triều,<br>Quảng Ninh                   | 1A1 | 06/12/2025 |
| 47 | Trương Minh Vũ         | HS1013783299 | Nam | 08/03/2019 | Khe sủ 1 - Thượng Yên Công Uông Bí - Quảng<br>Ninh                        | 1A2 | 06/12/2025 |
| 48 | Lý Thục Linh           | HS1019398700 | Nữ  | 29/01/2019 | Khe sủ 2 - Thượng Yên Công Uông Bí - Quảng<br>Ninh                        | 1A2 | 06/12/2025 |
| 49 | Triệu Trúc Linh        | HS1019397998 | Nữ  | 22/05/2019 | Thôn Khe Sủ II, xã Thượng Yên Công, thành phố<br>Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh | 1A1 | 06/12/2025 |
| 50 | Diệp Quỳnh Anh         | HS1016859007 | Nữ  | 30/08/2019 | Thôn Linh Trảng - Trảng Lương - Đông Triều -<br>Quảng Ninh                | 1A1 | 06/12/2025 |

|    |                    |              |     |            |                                                             |     |            |
|----|--------------------|--------------|-----|------------|-------------------------------------------------------------|-----|------------|
| 51 | Trương Thị Mai     | HS1019398703 | Nữ  | 25/10/2019 | Khe sú 1 - Thượng Yên Công Uông Bí - Quảng Ninh             | 1A2 | 06/12/2025 |
| 52 | Triệu Hạ Thảo      | HS1019398701 | Nữ  | 18/06/2019 | Khe sú 1 - Thượng Yên Công Uông Bí - Quảng Ninh             | 1A2 | 06/12/2025 |
| 53 | Lý Thiên Ân        | HS1019398693 | Nam | 14/07/2019 | Khe sú 2 - Thượng Yên Công Uông Bí - Quảng Ninh             | 1A2 | 06/12/2025 |
| 54 | Triệu Thị Ánh Hằng | HS1019398698 | Nữ  | 13/12/2019 | Khe sú 2 - Thượng Yên Công Uông Bí - Quảng Ninh             | 1A1 | 06/12/2025 |
| 55 | Vũ Thành Đức       | HS1019398705 | Nam | 03/10/2019 | xã An Hòa, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng              | 1A2 | 06/12/2025 |
| 56 | Lù Thị Thảo My     | HS1020201155 | Nữ  | 02/04/2019 | Thôn Cốc Cọc, thị trấn Cốc Pài, huyện Xí Mần, tỉnh Hà Giang | 1A2 | 06/12/2025 |
| 57 | Đặng Hải Đăng      | HS1019398694 | Nam | 24/11/2019 | Khe sú 1 - Thượng Yên Công Uông Bí - Quảng Ninh             | 1A2 | 06/12/2025 |
| 58 | Triệu Diễm Thư     |              | Nữ  | 14/05/2019 | Khe sú 1 - Thượng Yên Công Uông Bí - Quảng Ninh             | 1A3 | 06/16/2025 |